

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 07-5-2020

V/v Tranh chấp Quyền sử dụng
đất (ranh đất), Bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm giữa
bà X với ông N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năng

Ông Ngô Phúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất (ranh đất), Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà N T M X, sinh ngày 01-4-1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09-3-2020)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Ông H V N (N N), sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Ông N T P, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2/Cháu N T T M, sinh ngày 09-6-2005

3/Cháu N V M, sinh ngày 05-9-2007

4/Bà P T Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

5/Anh H V L, sinh năm 1984

6/Anh H V S, sinh năm 1986

7/Bà H T H (C H), sinh năm 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (cháu N T T M và cháu N V M): Bà N T M X, sinh ngày 01-4-1977 – là mẹ ruột (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh H V L, anh H V S): Ông H V N (N N), sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 22-4-2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 15-02-2019; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-9-2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà N T M X trình bày:

Về nguồn gốc đất: Vào ngày 19-3-2011, bà có nhận chuyển nhượng một phần đất vườn tạp của bà V T K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Nhà mặt lộ nhựa kênh T L thuộc ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang, giá 26.000.000đ, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngang mặt tiền 52m, sâu vô hậu 15m, diện tích 780m². Đất tọa lạc cặp bờ kênh T L, thuộc Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang. Khi chuyển nhượng có lập giấy tay có bà và bà K ký tên xác nhận, ông chồng bà K đã chết, các con của bà K không tham gia chuyển nhượng. Khi nhận chuyển nhượng đất của bà K, bà và bà K không cắm trụ ranh, cũng không mời ông N xác nhận ranh đất nhưng có vợ ông N là P T Đ xác nhận ranh đất. Bà sử dụng cất nhà ở dài 9m, còn lại sau hậu khoảng 3m. Đất của bà phía mặt trời lặn tiếp giáp đất của bà H T C B, phía mặt trời mọc tiếp giáp đất của bà K, hậu đất tiếp giáp đất của ông H V N, mặt tiền tiếp giáp kênh T L.

Năm 2016, ông H V N là chủ sử dụng đất giáp ranh phía sau hậu đất có đào mương nước giáp ranh đất bà, có lấn sang phần đất của bà một đầu là 0,3m, một đầu là 2,8m phía ngoài lộ nhựa đi vào gặp trước tiếp giáp đất của bà C B, diện tích khoảng 120m².

Vào mùa hè năm 2017, khi bà không có mặt ở nhà, ông N đập phá tài sản của bà như đập gãy 11 cây nóng đá, làm hư hỏng nhà của bà. Khi bà về bà có trình báo Công an xã V B lập biên bản.

Ông N không đồng ý và gửi Đơn tranh chấp đến UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang yêu cầu hòa giải tranh chấp ranh đất.

Ngày 09-3-2018, UBND xã V B tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Ngày 14-3-2018, UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang ban hành Thông báo kết quả hòa giải tranh chấp đất đai hòa giải không thành số 154/TB-UBND.

Nay bà yêu cầu ông H V trả lại phần đất đã lấn chiếm theo hiện trạng đo đạc ngày 29-5-2019 khoảng 170m²; buộc ông H V N khôi phục lại mương nước

đã đào trên đất của của bà; buộc ông H V N bồi thường thiệt hại do hành vi đập phá tài sản của của bà gồm 11 cây nóng đá và tiền công thợ sửa chữa là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tại Bản tự khai ngày 08-3-2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông H V N trình bày: Ông có sử dụng phần đất ruộng có diện tích khoảng 10 công đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00872.QSDĐ/IG diện tích 9.731m²; Thửa đất số 3194, 3195, 3196, 3197; Tờ bản đồ số 02; Mục đích sử dụng đất: 2L. Do UBND huyện C T cấp ngày 20-10-1992 đứng tên ông H V N. Đất tọa lạc ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang. Phần đất của ông phía mặt trời mọc tiếp giáp đất của ông N V G (2 G) hiện nay con ông G là Ú Nh canh tác, phía mặt trời lặn tiếp đất thổ cư của ông, phía cầu số 5 tiếp giáp đất của bà H T P, phía kênh T L tiếp giáp đất của bà H T C H, một phần của ông, bà V T K (bà K bán lại cho bà X), bà H T C B.

Năm 2011 ông có nạo vét mương thoát nước trên nền mương cũ tiếp giáp đất của bà C H, bà K, bà C B ngang 1m dài hết đất; trước khi bà X mua đất của bà K.

Khi bà X nhận chuyển nhượng đất của bà K; bà X, bà K và vợ ông là bà Đ có cắm trụ ranh xác nhận ranh đất. Bà X cất nhà ở theo trụ ranh đã cắm nhưng mái tole qua đất của ông.

Năm 2016, ông có nạo vét mương thoát nước lần 2 trên nền mương cũ.

Vào mùa hè năm 2017, khi bà X có mặt ở nhà, ông có đập phá tài sản của bà X như đập gãy trên 10 cây nóng đá, do bà X xuống nóng đá cất nhà lấn sang phần đất của ông. Bà X có trình báo Công an xã V B lập biên bản.

Ông không đồng ý và gửi đơn tranh chấp đến UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang yêu cầu hòa giải tranh chấp ranh đất.

Ngày 09-3-2018, UBND xã V B tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Ngày 14-3-2018, UBND xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang ban hành Thông báo kết quả hòa giải tranh chấp đất đai hòa giải không thành số 154/TB-UBND.

Nay trước yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của bà X, ông xác định không lấn ranh nên không đồng trả lại đất cho bà X, không đồng ý khôi phục lại mương nước đã đào trên đất của của bà X; không đồng ý bồi thường thiệt hại do hành vi đập phá tài sản của của bà X gồm 11 cây nóng đá và tiền công thợ sửa chữa là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Phong trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ Xuân, không bổ sung gì.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P T Đ trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H V N, không bổ sung gì.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh H V L, anh H V S) có ông H V N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông H V N, không bổ sung gì.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H T H trình bày: Đất của bà mua của ông 2 G, mua lúc xáng mức kênh T L, mua ngang mặt tiền bờ kênh xáng 100m, giá 1m/1 gia lúa, khi mua đất ông 2 G chưa được cấp sổ đỏ, quá trình sử dụng bà chưa được cấp sổ đỏ. Nay Tòa án thông báo cho bà biết thừa đất bà quản lý sử dụng được cấp sổ đỏ cho ông H V N bà không đồng ý. Bà sẽ giải quyết với ông N và ông 2 G sau.

Tại Công văn số 201/UBND-NC ngày 01-4-2020, Ủy ban nhân dân huyện C T trình bày: Đối với diện tích đất 523m² (loại đất ở) đang tranh chấp giữa bà N T M X với ông H V N, đất tọa lạc cặp kênh T L thuộc Tổ 16, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang; theo Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2019 của Văn Phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh C T không nằm trong diện quy hoạch chung phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và không thuộc đất công do nhà nước quản lý. Đối với đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được xem xét cấp giấy chứng nhận cho người có đủ điều kiện cấp giấy theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27-9-2019, người làm chứng ông V V S trình bày: Ông không bà con với bà N T M X và ông H V N. Ông có biết bà X và ông N N. Trước tết khoảng 4 hay 5 tháng, ông có lãnh cất nhà cho bà X. Sau đó khoảng 1 hay 2 tháng thì bà X có nhờ ông sửa nhà do bị người ta đập phá. Nhà sàn, nóng đá, sàn ván, cột gỗ, vách tole, mái lợp tole. Ông thay 7 cây nóng đá nhà bà X, thay 4 cây nóng đá nhà mẹ bà X. Tiền công 650.000đ. Bà X nói mua cây nóng đá 120.000đ đến 130.000đ/1 cây nóng đá. Khi sửa nhà cho bà X có ông N N ra chửi không cho làm do có tranh chấp đất, nhưng khi công an xã đến thì đã xong, ông tiếp tục làm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn giao trả lại nguyên đơn phần đất đã lấn chiếm có diện tích 171m² tại các điểm 8, 9, 6, 101 và 59 của Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2019 của Văn Phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Châu Thành.

Buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn chi phí sửa chữa và tiền mua nóng đá là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Buộc bị đơn phải san lấp mương nước bị đơn đã đào trên đất của nguyên đơn theo hiện trạng ban đầu.

Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn bà N T M X; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N T P; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N T M X, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P.

Đối với Hộ bà N T K gồm có: Bà N T K, sinh năm 1956, anh N V H, sinh năm 1976, chị N T T, sinh ngày 19-9-1979, anh N V L, sinh ngày 19-10-1982, anh N V S, sinh ngày 30-12-1984, chị N T T L, sinh năm 1988. Hộ ông P N S gồm có: Ông P N S, sinh năm 1965, chị P N Y, sinh ngày 13-5-1997 và Hộ ông N V T gồm có: Ông N V T, sinh năm 1971, bà N K H, sinh năm 1975, anh N T T, sinh ngày 20-8-1999, anh N T T, sinh ngày 30-8-2001; là các hộ có nhà cất ở nhờ trên đất của bà N T M X. Quá trình tố tụng ngày 04-7-2019, bà K, anh H, chị T, anh L, anh S, chị L, ông S, chị Y, ông T, bà H, anh T, anh T có tờ cam kết tự tháo dỡ di dời nhà nếu bà X và cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu tháo dỡ di dời nhà và đơn xin không tham gia tố tụng, nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là đúng quy định.

Đối với Yêu cầu phản tố ngày 08-3-2019, của ông H V N. Ngày 28-3-2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 293 nhưng ông N không nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 08-4-2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có ban hành Thông báo trả lại đơn phản tố số 320 cho ông H V N, nên Tòa án không giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn ông H V N là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 24 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 6, 9 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà cụ thể là tranh chấp ranh đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Đối với Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất): Quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà N T M X với ông H V N đã được hoà giải cơ sở theo quy định tại Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013. Do kết quả hoà giải không thành nên bà X khởi kiện tại Toà án. Căn cứ địa chỉ bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 9 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Căn cứ địa chỉ bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 6 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] Về thời hiệu khởi kiện:

Đối với Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất): Căn cứ đơn khởi kiện ngày 15-02-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-9-2019. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 155; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Thì vụ án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 15-02-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-9-2019. Bản tự khai của bị đơn ngày 08-3-2019. Biên bản hòa giải ngày 09-10-2019. Ngày 15-02-2019, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 588; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

[5.1] Đối với tranh chấp ranh đất:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 15-02-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-9-2019;

Căn cứ Bản tự khai của bị đơn ngày 08-3-2019;

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00872.QSDĐ/IG diện tích 9.731m²; thửa đất số 3194, 3195, 3196, 3197; tờ bản đồ số 02; mục đích sử dụng đất: 2L. Do UBND huyện C T cấp ngày 20-10-1992 đứng tên ông H V N. Đất tọa lạc ấp Vĩnh Thọ, xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 09-10-2019;

Căn cứ Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2019 của Văn Phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh C T, tỉnh An Giang thể hiện:

Phần đất ông N, bà Đ đã được UBND huyện C T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00872.QSDĐ/IG, ký ngày 20-10-1992, diện tích 9.731m² gồm: thửa đất số 3194 (diện tích: 1.960m²), thửa đất số 3195 (diện tích: 3.823m²), thửa đất số 3196 (diện tích: 2.876m²) và thửa đất số 3197 (diện tích: 1.072m²).

Hiện trạng phần đất ông N, bà Đ đang sử dụng có diện tích 9.466m² gồm các điểm: 78, 79, 80, 37, 36, 35, 6, 7, 45, 44 và 81. Ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3 thửa đất có diện tích 8.659m² gồm: thửa đất số 3194 (diện tích: 1.960m²), thửa đất số 3195 (diện tích: 3.823m²) và thửa đất số 3196 (diện tích: 2.876m²); diện tích tăng 807m².

Còn thửa đất số 3197 (diện tích: 1.072m²) thực tế đo đạc gồm các điểm: 44, 43, 4, 7 và 45; diện tích: 1.149m², diện tích tăng 77m² nhưng do bà H quản lý sử dụng, nhưng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà Đ.

Hiện trạng phần đất bà X, ông P đang sử dụng có diện tích 523m² gồm các điểm 8, 9, 6, 5, 32 và 59. Phần đất bà X nhận chuyển nhượng của bà K có diện tích 780m² (ngang mặt tiền 52m, sâu vô hậu 15m).

Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận:

Về nguồn gốc đất: Ông N, bà Đ có phần đất hiện đang sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà X nhận chuyển nhượng đất của bà K phần đất hiện đang sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về quá trình sử dụng đất: Ông N, bà Đ và bà X sử dụng ổn định.

Về quá trình tranh chấp: Trong quá trình sử dụng đất phía bà X cho rằng ông N, bà Đ đã sử dụng lấn sang phần đất bà X phần đất có diện tích 171m² tại các điểm: 8, 9, 6, 101 và 59 của Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C T. Ông N, bà Đ cho rằng đã sử dụng đất đúng mốc ranh không lấn chiếm đất của bà X dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, tại Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C T thể hiện: Hiện trạng sử dụng đất theo ông N, bà Đ chỉ dẫn đo đạc có diện tích 9.466m²; UBND huyện C T chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà Đ 3 thửa đất có diện tích: 8.659m² gồm: thửa đất số 3194 (diện tích: 1.960m²), thửa đất số 3195 (diện tích: 3.823m²) và thửa đất số 3196 (diện tích: 2.876m²); diện tích tăng 807m². Ông N, bà Đ đã sử dụng đất không đúng mốc ranh khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là ông N, bà Đ đã sử dụng đất lấn chiếm sang phần đất bà X 171m² tại các điểm 8, 9, 6, 101 và 59. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013 “Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất: Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất,...” ông N, bà Đ đã sử dụng đất không đúng mốc ranh là trái với quy định của Luật Đất đai. Nay nguyên đơn bà X có yêu cầu bị đơn ông N trả lại phần đất đã lấn chiếm. Xét quan hệ tranh chấp trên, bị đơn là người có lỗi, đã sử dụng lấn chiếm sang phần đất của nguyên đơn là 171m² tại các điểm 8, 9, 6, 101 và 59 của Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 24 Điều 3, Điều 12, Điều 166 và Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013 thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với thửa đất số 3197 (diện tích: 1.072m²), tờ bản đồ số 02; mục đích sử dụng đất: 2L, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00872.QSDĐ/LG diện tích 9.731m². Do UBND huyện C T cấp ngày 20-10-1992 đứng tên ông H V N. Đất tọa lạc ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang. Thực tế đo đạc gồm các điểm: 44, 43, 4, 7 và 45; diện tích: 1.149m², diện tích tăng 77m² hiện do bà H quản lý sử dụng, nhưng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà Đ. Quá trình tố tụng ông N, bà Đ và bà H không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] *Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu khôi phục lại hiện trạng nương nước bị đôn đã đào trên đất của nguyên đơn:* Quá trình sử dụng đất ông N đã sử dụng đất lấn sang phần đất của bà X; ông N có hành vi đập phá tài sản của bà X là các cây nóng đá và có hành vi đào nương nước trên phần đất của bà X; bà X đã thuê thợ sửa chữa và mua nóng đá tất cả là 2.000.000đ và bà X yêu cầu ông N phải bồi thường thiệt hại và yêu cầu ông N khôi phục lại hiện trạng. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của bà X là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét buộc ông N phải bồi thường thiệt hại cho bà X 2.000.000đ và buộc ông N phải khôi phục lại hiện trạng nương nước đã đào.

[6] *Về chi phí tố tụng khác (chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ):* Chi phí đo đạc là 1.417.900đ, nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0001100 ngày 29-7-2019 của Văn Phòng Đăng ký đất đai An Giang. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000đ nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo phiếu thu ngày 29-7-2019 và biên bản quyết toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20-9-2019. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 157 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bị đơn ông N có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà X 1.917.900đ (một triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng).

[7] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà N T M X 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014067 ngày 15-02-2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004444 ngày 20-9-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn phần đất đã lấn chiếm và số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), nên bị đơn ông N phải chịu 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Bị đơn ông N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ, anh L, anh S và bà H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-5-2020);

Nguyên đơn bà X; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 6, 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Tổ tụng Dân sự;

Các Điều 584, 585, 586, 588 và 589 của Bộ Dân sự năm 2015;

khoản 24 Điều 3; Các Điều 12, 166, 170, 202, 203, 206, 207 và 208 của Luật Đất đai năm 2013;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N T M X.

[2] Buộc bị đơn ông H V N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P T Đ, anh H V L và anh H V S trả lại cho nguyên đơn bà N T M X phần đất có diện tích 171m² tại các điểm 8, 9, 6, 101 và 59 của Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C T, tỉnh An Giang.

[3] Buộc bị đơn ông H V N bồi thường thiệt hại cho bà N T M X 2.000.000đ (hai triệu đồng).

[4] Buộc bị đơn ông H V N phải khôi phục lại hiện trạng nương nước đã đào trên phần đất của bà N T M X tại các điểm 8, 9, 6, 5, 32 và 59 của Bản đồ hiện trạng ngày 23-7-2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C T, tỉnh An Giang.

[5] *Về cho phí tố tụng (chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ):* Buộc bị đơn ông H V N có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn bà N T M X số tiền 1.917.900đ (một triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng).

[6] *Về án phí:*

Hoàn trả cho nguyên đơn bà N T M X 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014067 ngày 15-02-2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004444 ngày 20-9-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông H V N phải chịu 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:*

Bị đơn ông H V N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P T Đ, anh H V L, anh H V S và bà H T H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-5-2020);

Nguyên đơn bà N T M X; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N T P; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N T M X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà